

Số: 399/QĐ-CĐKTCN

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 3) năm học 2025-2026**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-CĐKTCN ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đến 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-CĐKTCN ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phê duyệt học sinh, sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 3) năm học 2025-2026.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính:

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 3) năm học 2025-2026 cho **675** học sinh, sinh viên (HSSV), với tổng số tiền: **2.540.620.000 đồng**, cụ thể như sau:

- Miễn 100% học phí học kỳ I (đợt 3) năm học 2025-2026 cho **295** HSSV, với số tiền: **1.291.400.000 đồng** (có danh sách kèm theo);

- Giảm 70% học phí học kỳ I (đợt 3) năm học 2025-2026 cho **380** HSSV, với số tiền: **1.249.220.000 đồng** (có danh sách kèm theo).

**Điều 2:** Chế độ miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 3:** Trưởng phòng Quản trị chất lượng - Học sinh, sinh viên; Trưởng phòng Tổ chức - Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và học sinh, sinh viên có tên tại **Điều 1** căn cứ quyết định thi hành./.

### Nơi nhận:

- Như điều 3 (VBĐT);
- Công thông tin HSSV;
- Lưu: VT, QTCL-HSSV, TC-TC (02b).

**HIỆU TRƯỞNG**

**ThS. Nguyễn Văn Lực**

DANH SÁCH GIẢM HỌC PHÍ HỌC KÌ I (ĐỢT 3) NĂM HỌC 2025-2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 399/QĐ-CDKTCN ngày 11 tháng 11 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|-----------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                 |        | D          | E         | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 1   | CDCBMA19A01 | Trần Thái Hoàng   | Anh    | 10/11/2005 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 2   | CDCBMA19A02 | Nguyễn Phạm Thành | Đạt    | 23/07/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 3   | CDCBMA19A04 | Tro Thị Mỹ        | Duyên  | 30/11/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 4   | CDCBMA19A05 | Mai Trung         | Hậu    | 17/03/2006 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 5   | CDCBMA19A06 | Nguyễn Ngọc Như   | Hiếu   | 20/04/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 6   | CDCBMA19A09 | Nguyễn Quốc       | Huy    | 23/09/2005 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 7   | CDCBMA19A10 | Phạm Tấn          | Khang  | 30/09/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 8   | CDCBMA19A30 | Nguyễn Văn        | Khánh  | 19/10/2006 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 9   | CDCNOT19B16 | Trần Anh          | Khoa   | 05/05/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 10  | CDCBMA19A11 | Nguyễn Ngọc Hoàng | Long   | 22/06/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 11  | CDCBMA19A12 | Bo Bo Thị         | Mến    | 06/04/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 12  | CDCBMA19A14 | Đặng Hoàng        | Nhật   | 30/09/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 13  | CDCBMA19A15 | Võ Minh           | Quân   | 07/10/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 14  | CDCBMA19A16 | Phạm Quốc         | Sách   | 31/10/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 15  | CDCBMA19A17 | Lý Trực           | Tấn    | 09/11/2005 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 16  | CDCBMA19A18 | Đoàn Duy Việt     | Tiến   | 02/04/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 17  | CDCBMA19A19 | Nguyễn Hữu        | Tinh   | 04/08/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 18  | CDCBMA19A22 | Nguyễn Phan Nhật  | Trường | 18/11/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 19  | CDCBMA19A24 | Đào Thị Ánh       | Tuyết  | 15/05/2007 | CĐ-CBMA19 | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|------------------|-------|------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                |       | D          | E          | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 20  | CDCBMA19A25 | Nguyễn Vũ Quốc   | Việt  | 02/09/2005 | CĐ-CBMA19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 21  | CDCBMA19A26 | Nguyễn Anh       | Vin   | 07/06/2007 | CĐ-CBMA19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 22  | CDCBMA19A27 | Phạm Ngô Thành   | Vinh  | 25/02/2007 | CĐ-CBMA19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 23  | CDCBMA19A28 | Lê Đức           | Vượng | 02/10/2007 | CĐ-CBMA19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 24  | CDCBTP19A01 | Trần Minh        | Âu    | 19/04/2007 | CĐ-CBTP19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 25  | CDCBTP19A02 | Trần Văn         | Hưng  | 25/01/2007 | CĐ-CBTP19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 26  | CDCBTP19A03 | Nguyễn Đoàn Ái   | Quốc  | 26/08/2007 | CĐ-CBTP19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 27  | CDCBTP19A04 | Hồ Thị Huyền     | Trâm  | 11/06/2007 | CĐ-CBTP19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 28  | CDCBTP19A05 | Huỳnh Trần Tô Ny | Trọng | 21/01/2007 | CĐ-CBTP19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 29  | CDCBTP19A06 | Hồ Ngọc Thiên    | Ý     | 10/07/2007 | CĐ-CBTP19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 30  | CDCGKL19A01 | Nguyễn Trường    | An    | 03/04/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 31  | CDCGKL19A02 | Nguyễn Tấn       | Cảnh  | 24/11/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 32  | CDCGKL19A03 | Trần Quốc        | Đạt   | 19/08/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 33  | CDCGKL19A05 | Lê Hoàng         | Hải   | 08/03/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 34  | CDCGKL19A06 | Trần Anh         | Hào   | 13/05/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 35  | CDCGKL19A07 | Trương Thế       | Hào   | 20/10/2006 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 36  | CDCGKL19A08 | Phan Huỳnh Tấn   | Học   | 13/12/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 37  | CDCGKL19A10 | Nguyễn Duy       | Khen  | 30/03/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 38  | CDCGKL19A13 | Hồ Đắc           | Minh  | 14/12/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 39  | CDCGKL19A14 | Nguyễn Minh      | Nam   | 19/11/2006 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 40  | CDCGKL19A15 | Lê Minh          | Sang  | 28/04/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 41  | CDCGKL19A16 | Phạm Duy         | Tân   | 08/12/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 42  | CDCGKL19A17 | Trần Minh        | Thuận | 12/01/2006 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 43  | CDCGKL19A18 | Hồ Nhật          | Tiến  | 24/06/2007 | CĐ-CGKL19  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 44  | CDCNOT19A01 | Nguyễn Bảo       | An    | 13/06/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 45  | CDCNOT19A02 | Đỗ Tri           | Ân    | 15/09/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên         |       | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|-------------------|-------|------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                 |       | D          | E          | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 46  | CDCNOT19A03 | Lê Hoài           | Anh   | 31/01/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 47  | CDCNOT19A04 | Lê Huỳnh Tuấn     | Anh   | 28/05/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 48  | CDCNOT19A05 | Trần Minh         | Châu  | 26/09/2006 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 49  | CDCNOT19A06 | Nguyễn Trần Hữu   | Đang  | 24/12/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 50  | CDCNOT19A07 | Trương Công       | Danh  | 30/07/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 51  | CDCNOT19A08 | Hàng Tấn          | Đạt   | 14/04/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 52  | CDCNOT19A09 | Nguyễn Minh       | Duy   | 26/08/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 53  | CDCNOT19A10 | Phan Nguyễn Ngọc  | Hà    | 22/03/2005 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 54  | CDCNOT19A11 | Nguyễn Khắc       | Hậu   | 23/03/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 55  | CDCNOT19A12 | Phan Đại          | Hiệp  | 01/01/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 56  | CDCNOT19A13 | Đỗ Nguyễn Minh    | Hoan  | 05/07/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 57  | CDCNOT19A15 | Nguyễn Văn        | Huy   | 03/02/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 58  | CDDICN19A14 | Nguyễn Văn Tiến   | Huy   | 20/11/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 59  | CDCNOT19A16 | Nguyễn Hoàng Minh | Khải  | 02/10/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 60  | CDCNOT19A17 | Trịnh Bảo         | Khang | 25/07/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 61  | CDCNOT19A18 | Phạm Minh         | Lợi   | 25/12/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 62  | CDCNOT19A19 | Nguyễn Ngọc Bảo   | Luân  | 10/04/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 63  | CDCNOT19D16 | Đinh Xuân         | Nam   | 14/08/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 64  | CDCNOT19A20 | Nguyễn Hiếu       | Nghĩa | 03/05/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 65  | CDCNOT19A21 | Nguyễn Duy        | Nhật  | 24/08/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 66  | CDCNOT19A22 | Nguyễn Thành      | Phước | 14/08/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 67  | CDCNOT19A24 | Nguyễn Minh       | Tâm   | 26/07/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 68  | CDCNOT19A25 | Võ Nhật           | Tân   | 16/11/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 69  | CDCNOT19A28 | Đào Thái          | Thạnh | 25/12/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 70  | CDCNOT19A29 | Võ Tài            | Thiên | 25/05/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 71  | CDCNOT19A30 | Nguyễn Hồ Quốc    | Thiện | 18/12/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền giảm học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C               |        | D          | E          | F                        | G=F*5*70%                     | H                                                |
| 72  | CDCNOT19A31 | Nguyễn Ngọc     | Tiến   | 22/04/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 73  | CDCNOT19A33 | Trần Văn        | Trung  | 28/01/2006 | CĐ-CNOT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 74  | CDCNOT19A36 | Trần Kiến       | Văn    | 15/12/2007 | CĐ-CNOT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 75  | CDCNOT19A37 | Nguyễn Minh     | Vương  | 07/06/1983 | CĐ-CNOT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 76  | CDCNOT19B01 | Nguyễn Tài      | An     | 13/10/2000 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 77  | CDCNOT19B02 | Nguyễn Lê Tuấn  | Anh    | 18/08/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 78  | CDCNOT19B03 | Hồ Tấn          | Bình   | 08/08/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 79  | CDCNOT19B04 | Lê Minh         | Chiến  | 19/05/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 80  | CDCNOT19B05 | Lê Huỳnh Tiến   | Đạt    | 22/12/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 81  | CDCNOT19B06 | Cao Minh        | Duôn   | 29/06/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 82  | CDCNOT19B07 | Nguyễn Ngọc     | Duy    | 31/10/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 83  | CDCNOT19B08 | Phạm Hoàng      | Hải    | 10/04/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 84  | CDCNOT19B09 | Nguyễn Xuân     | Hậu    | 07/09/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 85  | CDCNOT19B10 | Kiều Ngọc Minh  | Hiếu   | 10/07/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 86  | CDCNOT19B11 | Cao Đức         | Hoàng  | 13/10/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 87  | CDCNOT19B12 | Huỳnh Đăng      | Huy    | 13/03/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 88  | CDCNOT19B13 | Trần Quốc       | Huy    | 22/11/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 89  | CDCNOT19B14 | Lê Bảo          | Khang  | 10/09/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 90  | CDCNOT19B17 | Trương Thành    | Long   | 05/09/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 91  | CDCNOT19B18 | Trần Hoàng Khởi | Nguyên | 11/06/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 92  | CDCNOT19B19 | Lê Tiến         | Phát   | 08/12/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 93  | CDCNOT19B20 | Võ Cao Đình     | Phong  | 01/10/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 94  | CDCNOT19B21 | Phạm Thành      | Phú    | 13/06/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 95  | CDCNOT19B22 | Dương Minh      | Quỳnh  | 22/10/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 96  | CDCNOT19B23 | Nguyễn Minh     | Sơn    | 03/01/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 97  | CDCNOT19B24 | Trần Huỳnh Đức  | Tài    | 13/11/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên    |       | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền giảm học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|--------------|-------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C            |       | D          | E          | F                        | G=F*5*70%                     | H                                                |
| 98  | CDCNOT19B25 | Nguyễn Ngọc  | Thạch | 17/04/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 99  | CDCNOT19B26 | Cao          | Thắng | 29/03/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 100 | CDCNOT19B28 | Nguyễn Anh   | Tiến  | 25/09/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 101 | CDCNOT19B29 | Nguyễn Trí   | Tính  | 26/10/2003 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 102 | CDCNOT19B30 | Nguyễn Văn   | Toàn  | 04/05/2006 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 103 | CDCNOT19B31 | Nguyễn Anh   | Tuấn  | 30/10/2007 | CĐ-CNOT19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 104 | CDCNOT19C01 | Nguyễn Tuấn  | Anh   | 05/01/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 105 | CDCNOT19C02 | Huỳnh Ngọc   | Chinh | 20/10/2006 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 106 | CDCNOT19C03 | Cao Quốc     | Cường | 02/03/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 107 | CDCNOT19C04 | Nguyễn Thành | Đạt   | 24/09/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 108 | CDCNOT19C05 | Huỳnh Tấn    | Duy   | 09/10/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 109 | CDCNOT19C06 | Nguyễn Quang | Duy   | 09/12/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 110 | CDCNOT19C07 | Võ Anh       | Hào   | 04/05/2006 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 111 | CDCNOT19C08 | Trần Văn     | Hậu   | 04/05/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 112 | CDCNOT19C09 | Trần Trung   | Hiếu  | 14/09/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 113 | CDCNOT19C10 | Lê Ngọc      | Hoàng | 28/08/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 114 | CDCNOT19C11 | Nông Quốc    | Huy   | 31/03/2006 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 115 | CDCNOT19C12 | Trần Quốc    | Huỳnh | 05/04/2006 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 116 | CDCNOT19C13 | Nguyễn Hoàng | Khang | 04/08/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 117 | CDCNOT19C15 | Châu Trùng   | Khiêm | 05/03/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 118 | CDCNOT19C17 | Lê Văn       | Lộc   | 17/12/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 119 | CDCNOT19C18 | Phạm Công    | Luân  | 01/10/1997 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 120 | CDCNOT19C19 | Đoàn Minh    | Nhân  | 21/12/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 121 | CDCNOT19C20 | Nguyễn Tuấn  | Phát  | 26/09/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 122 | CDCNOT19C21 | Lê Quang     | Phúc  | 16/05/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 123 | CDCNOT19C22 | Mang Do The  | Sun   | 07/03/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|--------------------|-------|------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                  |       | D          | E          | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 124 | CDCNOT19C23 | Lê Minh            | Tâm   | 02/07/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 125 | CDCNOT19C24 | Lâm Cao            | Thắng | 02/06/2002 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 126 | CDCNOT19C25 | Cao Nguyễn Phước   | Thành | 14/05/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 127 | CDCNOT19C26 | Nguyễn Đình        | Tiến  | 12/07/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 128 | CDCNOT19C27 | Huỳnh Gia          | Tịnh  | 09/01/2006 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 129 | CDCNOT19C28 | Nguyễn Quang       | Trung | 22/02/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 130 | CDCNOT19A34 | Nguyễn Anh Ngọc    | Tú    | 11/11/2005 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 131 | CDCNOT19C29 | Nguyễn Minh        | Tuấn  | 21/10/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 132 | CDCNOT19C30 | Phan Nguyễn Nguyên | Vũ    | 17/03/2007 | CĐ-CNOT19C | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 133 | CDCNOT19D01 | Đỗ Hoàng           | Ân    | 10/05/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 134 | CDCNOT19D02 | Ngô Hoàng          | Anh   | 25/01/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 135 | CDCNOT19D04 | Nguyễn Quốc        | Cường | 02/11/2005 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 136 | CDCNOT19D05 | Nguyễn Thành       | Đạt   | 03/11/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 137 | CDCNOT19D06 | Lê Trường Khánh    | Duy   | 03/07/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 138 | CDCNOT19D07 | Bùi Công           | Hậu   | 19/07/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 139 | CDCNOT19D09 | Nguyễn Đình        | Hiếu  | 12/11/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 140 | CDCNOT19D10 | Trần Duy           | Hoàng | 15/12/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 141 | CDCNOT19D11 | Nguyễn Quốc        | Huy   | 22/10/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 142 | CDCNOT19D12 | Nguyễn Minh        | Kha   | 11/09/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 143 | CDCNOT19D13 | Từ Nguyên          | Khang | 08/03/2006 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 144 | CDCNOT19D14 | Hồ Nhật            | Lâm   | 06/03/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 145 | CDCNOT19D15 | Hồ Bảo Hoàng Anh   | Lợi   | 19/06/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 146 | CDCNOT19D17 | Nguyễn Hoài        | Nhân  | 04/05/2005 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 147 | CDCNOT19D18 | Nguyễn Minh        | Phong | 15/06/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 148 | CDCNOT19D19 | Trần Thanh         | Phúc  | 13/01/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 149 | CDCNOT19D20 | Nguyễn Anh         | Quân  | 05/11/2005 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|--------------------|--------|------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                  |        | D          | E          | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 150 | CDCNOT19D21 | Nguyễn Thành       | Quy    | 11/05/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 151 | CDCNOT19D23 | Huỳnh Nguyễn Văn   | Tài    | 22/02/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 152 | CDCNOT19D24 | Lê Tất             | Thắng  | 11/10/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 153 | CDCNOT19A27 | Nguyễn Phước       | Thắng  | 24/07/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 154 | CDCNOT19D25 | Đỗ Mạnh            | Thành  | 29/09/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 155 | CDCNOT19D26 | Lê Cao Hữu         | Thiện  | 23/06/2005 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 156 | CDCNOT19D27 | Nguyễn Hoàng Khang | Thư    | 17/11/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 157 | CDCNOT19D28 | Nguyễn Hoàng       | Tiến   | 15/09/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 158 | CDCNOT19D29 | Đoàn Ngọc          | Toàn   | 05/08/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 159 | CDCNOT19D30 | Nguyễn Phạm Duy    | Trí    | 26/06/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 160 | CDCNOT19D31 | Nguyễn Bá          | Trung  | 10/01/2001 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 161 | CDCNOT19D32 | Nguyễn Quốc        | Tuấn   | 02/02/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 162 | CDCNOT19D33 | Thiều Quang        | Vũ     | 30/03/2005 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 163 | CDCNOT19D34 | Trần Vũ            | Ý      | 18/02/2007 | CĐ-CNOT19D | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 164 | CDDICN19A01 | Tài Đại            | Astrô  | 19/03/2007 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 165 | CDDICN19A02 | Trịnh Ngô Quốc     | Bình   | 16/06/2007 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 166 | CDDICN19A03 | Trần Đình          | Chuyển | 13/01/2003 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 167 | CDDICN19A05 | Lê Tiến            | Đạt    | 25/03/2007 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 168 | CDDICN19A06 | Trần Tiến          | Đức    | 15/02/2003 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 169 | CDDICN19A07 | Trần Phúc          | Duy    | 03/12/2005 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 170 | CDDICN19A08 | Nguyễn Trịnh Anh   | Hào    | 01/12/2006 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 171 | CDDICN19A42 | Ngô Quốc           | Hiệp   | 26/01/2004 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 172 | CDDICN19A09 | Nguyễn Tấn         | Hoài   | 30/07/2007 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 173 | CDDICN19A10 | Trần Việt          | Hoàng  | 27/11/2007 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 174 | CDDICN19A11 | Lê Quang           | Hung   | 24/05/2007 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 175 | CDDICN19A12 | Cao Trường         | Huy    | 12/06/2007 | CĐ-ĐCN19A  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |



| STT | Mã HSSV     | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-----------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                |        | D          | E         | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 176 | CDDICN19A13 | Lương Nhật       | Huy    | 24/05/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 177 | CDDICN19A15 | Trần An          | Khang  | 25/02/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 178 | CDDICN19A16 | Đặng Nguyên      | Khoa   | 04/05/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 179 | CDDICN19B12 | Nguyễn Duy       | Khương | 03/03/2006 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 180 | CDDICN19A17 | Nguyễn Duy       | Kiên   | 30/10/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 181 | CDDICN19B14 | Nguyễn Quốc      | Kiệt   | 14/09/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 182 | CDDICN19A19 | Nguyễn Đức       | Luân   | 15/01/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 183 | CDDICN19A20 | Lê Văn           | Mạnh   | 05/05/2004 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 184 | CDDICN19A21 | Lê Quang         | Minh   | 05/12/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 185 | CDDICN19A22 | Nguyễn           | Nam    | 18/07/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 186 | CDDICN19A23 | Phạm Hoàng       | Nguyên | 10/06/2005 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 187 | CDDICN19A24 | Lê Nguyễn Khánh  | Nhật   | 05/11/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 188 | CDDICN19A25 | Phạm Nguyễn Long | Nhật   | 26/07/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 189 | CDDICN19A26 | Nguyễn Thanh     | Phúc   | 29/09/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 190 | CDDICN19A27 | Trần Xuân        | Phúc   | 04/01/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 191 | CDDICN19A28 | Nguyễn Thiên     | Phước  | 11/06/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 192 | CDDICN19A29 | Nguyễn Minh      | Quân   | 24/09/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 193 | CDDICN19A30 | Nguyễn Phùng     | Quang  | 15/08/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 194 | CDDICN19A31 | Nguyễn           | Quý    | 07/08/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 195 | CDDICN19B31 | Nguyễn Đức       | Thắng  | 25/08/2006 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 196 | CDDICN19A33 | Nguyễn Thành     | Thiện  | 10/06/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 197 | CDDICN19A34 | Nguyễn Đức       | Thịnh  | 26/03/2006 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 198 | CDDICN19A35 | Nguyễn Văn       | Thịnh  | 17/06/2006 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 199 | CDDICN19A36 | Nguyễn Đình      | Thuận  | 18/06/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 200 | CDDICN19A37 | Phan Quốc        | Tiên   | 23/02/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 201 | CDDICN19A38 | Ngô Minh         | Tiến   | 24/02/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-----------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                |        | D          | E         | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 202 | CDDICN19A39 | Nguyễn Ngô Duy   | Tuyển  | 11/08/2006 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 203 | CDDICN19A41 | Thái Đức         | Vũ     | 03/10/2007 | CĐ-ĐCN19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 204 | CDDICN19B01 | Nguyễn Đình      | Chiêu  | 01/01/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 205 | CDDICN19B02 | Lê Thiện         | Chương | 22/06/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 206 | CDDICN19B03 | Huỳnh Tấn        | Đạt    | 22/03/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 207 | CDDICN19B05 | Võ Thành         | Đạt    | 02/12/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 208 | CDDICN19B07 | Nguyễn Chí       | Huân   | 15/11/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 209 | CDDICN19B08 | Đình Quang       | Hưng   | 20/12/2002 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 210 | CDDICN19B10 | Nguyễn Nguyên    | Khang  | 26/07/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 211 | CDDICN19B43 | Trần Đăng        | Khoa   | 02/01/2002 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 212 | CDDICN19B13 | Hứa Thành Thoại  | Kiên   | 22/10/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 213 | CDDICN19A18 | Quảng Thành      | Lộc    | 04/10/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 214 | CDDICN19B15 | Bùi Quang        | Long   | 12/04/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 215 | CDDICN19B16 | Nguyễn Cao Trâm  | Luân   | 02/07/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 216 | CDDICN19B17 | Lý Văn           | Mạnh   | 27/01/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 217 | CDDICN19B18 | Phạm Đức         | Minh   | 24/11/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 218 | CDDICN19B19 | Trần Quốc        | Nam    | 21/07/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 219 | CDDICN19B20 | Huỳnh Hữu        | Nghĩa  | 28/11/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 220 | CDDICN19B22 | Lê Minh          | Nhật   | 27/12/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 221 | CDDICN19B23 | Đồng Quốc        | Phi    | 10/08/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 222 | CDDICN19B24 | Đào Tấn          | Phong  | 08/01/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 223 | CDDICN19B26 | Đoàn Hữu         | Phước  | 03/09/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 224 | CDDICN19B27 | Lê Duy           | Phương | 08/07/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 225 | CDDICN19B28 | Đặng Trọng       | Quân   | 04/05/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 226 | CDDICN19B29 | Vương Minh       | Quân   | 05/04/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 227 | CDDICN19B32 | Nguyễn Phạm Minh | Thiên  | 23/10/2004 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV      | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền giảm học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|--------------|------------------|--------|------------|-----------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B            | C                |        | D          | E         | F                        | G=F*5*70%                     | H                                                |
| 228 | CDDICN19B46  | Võ Ngọc Bảo      | Thiên  | 05/10/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 229 | CDDICN19B33  | Trần Ngọc        | Thiện  | 08/08/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 230 | CDDICN19B34  | Nguyễn Ngọc      | Thịnh  | 26/02/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 231 | CDDICN19B35  | Phạm Ngọc        | Thọ    | 26/10/2006 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 232 | CDDICN19B37  | Hà Phi           | Thức   | 11/04/2006 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 233 | CDDICN19B38  | Lê Minh          | Tiến   | 01/08/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 234 | CDDICN19B39  | Nguyễn Khánh     | Trung  | 24/09/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 235 | CDDICN19B40  | Cao Xuân         | Trường | 09/11/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 236 | CDDICN19B41  | Huỳnh Ngọc Thanh | Tuấn   | 22/08/2007 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 237 | CDDICN19B42  | Nguyễn Quỳnh Đức | Vinh   | 06/03/1999 | CĐ-ĐCN19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 238 | CDCNNDT19A01 | Phùng Gia        | Bảo    | 27/06/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 239 | CDCNNDT19A03 | Mẫu              | Chuyển | 07/10/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 240 | CDCNNDT19A46 | Phạm Công        | Danh   | 13/11/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 241 | CDCNNDT19A04 | Hồ Quốc          | Đạt    | 01/06/2005 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 242 | CDCNNDT19A44 | Nguyễn Chí       | Hoàng  | 28/05/2004 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 243 | CDCNNDT19A45 | Quảng Quốc       | Khải   | 05/07/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 244 | CDCNNDT19A13 | Đình Minh        | Khoa   | 06/04/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 245 | CDCNNDT19A47 | Ngô Tấn          | Lập    | 01/01/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 246 | CDCNNDT19A15 | Nguyễn Văn       | Lợi    | 16/11/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 247 | CDCNNDT19A17 | Nguyễn Hoài      | Nam    | 08/04/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 248 | CDCNNDT19A19 | Nguyễn Võ Trung  | Nguyên | 20/03/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 249 | CDCNNDT19A20 | Đình Quang       | Nhật   | 03/01/2000 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 250 | CDCNNDT19A22 | Trương Thanh     | Phương | 01/02/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 251 | CDCNNDT19A48 | Lê Doãn Minh     | Quân   | 14/11/2004 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 252 | CDCNNDT19A23 | Trần Nguyễn      | Sang   | 27/07/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 253 | CDCNNDT19A25 | Ly               | Suin   | 01/12/2006 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên        |       | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|------------------|-------|------------|-----------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                |       | D          | E         | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 254 | CDCNDT19A28 | Phan Thiện       | Thanh | 23/09/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 255 | CDCNDT19A33 | Phan Anh         | Thy   | 24/08/2004 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 256 | CDCNDT19A34 | Hoàng Anh        | Tiến  | 06/12/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 257 | CDCNDT19A37 | Knai Lê Viết     | Triều | 29/08/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 258 | CDCNDT19A40 | Hồ Quốc          | Việt  | 22/11/2005 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 259 | CDCNDT19A41 | Phùng Trần Nhật  | Vinh  | 16/12/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 260 | CDCNDT19A43 | Nguyễn Quốc      | Vũ    | 06/03/2007 | CĐ-ĐĐT19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 261 | CDCNDT19A02 | Đình Quốc        | Chí   | 01/03/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 262 | CDCNDT19A05 | Lại Quốc         | Đạt   | 20/10/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 263 | CDCNDT19A06 | Nguyễn Tấn       | Đạt   | 15/04/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 264 | CDCNDT19A08 | Nguyễn Trần Quốc | Đạt   | 16/04/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 265 | CDCNDT19A10 | Ngô Đức          | Duy   | 05/10/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 266 | CDCNDT19A11 | Huỳnh Ngọc       | Hoài  | 17/10/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 267 | CDCNDT19A12 | Võ Thanh         | Huy   | 15/06/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 268 | CDCNDT19A14 | Ngô Văn          | Kiệt  | 20/07/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 269 | CDCNDT19A16 | Phạm Nguyễn Gia  | Lợi   | 10/03/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 270 | CDCNDT19A18 | Nguyễn Thành     | Nam   | 27/06/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 271 | CDCNDT19A21 | Nguyễn Thanh     | Phong | 28/03/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 272 | CDCNDT19A24 | Trần Anh         | Sơn   | 19/06/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 273 | CDCNDT19A26 | Hoàng Quốc       | Thắng | 23/02/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 274 | CDCNDT19A27 | Dương Văn        | Thanh | 22/10/1999 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 275 | CDCNDT19A29 | Đỗ Hữu           | Thiện | 01/10/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 276 | CDCNDT19A30 | Lê Văn           | Thiện | 05/07/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 277 | CDCNDT19A32 | Huỳnh Minh       | Thoại | 16/04/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 278 | CDCNDT19A35 | Hoàng Anh        | Tiến  | 28/04/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 279 | CDCNDT19A36 | Trần Quốc        | Toàn  | 20/08/2007 | CĐ-ĐĐT19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                |        | D          | E          | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 280 | CDCNDT19A38 | Lê Phi           | Trường | 15/11/2007 | CĐ-ĐĐT19B  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 281 | CDCNDT19A39 | Nguyễn Lê Nhật   | Trường | 06/02/2007 | CĐ-ĐĐT19B  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 282 | CDCNDT19A42 | Nguyễn Gia       | Vũ     | 13/05/2007 | CĐ-ĐĐT19B  | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 283 | CDKTML19A01 | Trần Gia         | Bảo    | 08/05/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 284 | CDKTML19A02 | Lâm Phương       | Bình   | 22/08/2006 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 285 | CDKTML19A03 | Lê Hữu           | Chương | 21/10/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 286 | CDKTML19A04 | Hồ Mạnh          | Cường  | 07/12/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 287 | CDKTML19A05 | Lê Thành         | Đạt    | 26/06/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 288 | CDKTML19A06 | Võ Thành         | Đạt    | 02/08/2005 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 289 | CDKTML19A45 | Nguyễn Văn       | Đông   | 10/06/1995 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 290 | CDKTML19A07 | Huỳnh Anh        | Định   | 28/07/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 291 | CDKTML19A08 | Nguyễn Tiên      | Định   | 03/05/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 292 | CDKTML19A09 | Lê Minh          | Duy    | 07/11/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 293 | CDKTML19A10 | Võ Khả           | Hào    | 17/06/2005 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 294 | CDKTML19A11 | Huỳnh Nhật       | Hoàng  | 24/06/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 295 | CDKTML19A12 | Nguyễn Huy       | Hoàng  | 08/09/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 296 | CDKTML19A13 | Bùi Quốc         | Hung   | 12/02/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 297 | CDQTKS19A09 | Phan Phúc        | Khang  | 22/05/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 298 | CDKTML19A14 | Nguyễn Đức       | Khiêm  | 17/04/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 299 | CDKTML19A15 | Nguyễn Trung     | Kiên   | 15/09/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 300 | CDKTML19A16 | Chu Văn          | Lâm    | 09/11/2004 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 301 | CDKTML19A17 | Phan Đình        | Mạnh   | 02/07/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 302 | CDKTML19A43 | Nguyễn Bảo       | Nguyên | 15/09/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 303 | CDKTML19A18 | Nguyễn Phạm Khôi | Nguyên | 24/11/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 304 | CDKTML19A19 | Y Lâm            | Niê    | 28/12/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 305 | CDKTML19A20 | Đặng Ngọc        | Ninh   | 21/09/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền giảm học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                 |        | D          | E          | F                        | G=F*5*70%                     | H                                                |
| 306 | CDKTML19A21 | Mạc Đức           | Phong  | 23/09/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 307 | CDKTML19A22 | Hà Đức            | Phương | 05/03/2006 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 308 | CDKTML19A23 | Phan Hoàng        | Quân   | 21/08/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 309 | CDKTML19A24 | Nguyễn Văn        | Sĩ     | 10/05/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 310 | CDKTML19A25 | Lê Văn            | Thị    | 11/09/2006 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 311 | CDKTML19A26 | Võ Hoài           | Thương | 26/06/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 312 | CDKTML19A27 | Lê Thành          | Thường | 02/03/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 313 | CDKTML19A28 | Nguyễn Việt       | Tiến   | 02/01/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 314 | CDKTML19A29 | Nguyễn Văn        | Toàn   | 25/08/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 315 | CDKTML19A31 | Nguyễn Minh       | Triết  | 09/07/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 316 | CDKTML19A32 | Trịnh Đình        | Trung  | 20/07/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 317 | CDKTML19A33 | Nguyễn Phi        | Trưởng | 11/08/2006 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 318 | CDKTML19A34 | Đặng Anh          | Tú     | 20/02/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 319 | CDKTML19A35 | Nguyễn Ngọc       | Tuân   | 02/07/2005 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 320 | CDKTML19A36 | Lê Trần Anh       | Tuấn   | 31/05/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 321 | CDKTML19A38 | Huỳnh Nhật        | Vinh   | 19/01/2006 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 322 | CDKTML19A39 | Nguyễn Hoàn       | Vũ     | 02/06/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 323 | CDKTML19B42 | Nguyễn Lê Quốc    | Vương  | 15/08/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 324 | CDKTML19A44 | Trần Nhật         | Thịnh  | 21/07/2007 | CĐ-KTML19A | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 325 | CDKTML19B01 | Nguyễn Nhật       | An     | 14/07/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 326 | CDKTML19B02 | Thái Xuân         | Biên   | 17/10/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 327 | CDKTML19B03 | Phạm Ngọc         | Bình   | 15/04/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 328 | CDKTML19B04 | Phó Đức           | Chính  | 26/09/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 329 | CDKTML19B05 | Ngô Quốc          | Danh   | 11/12/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 330 | CDKTML19B06 | Nguyễn Hoàng Tiến | Đạt    | 28/01/2006 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 331 | CDKTML19B07 | Nguyễn Thành      | Đạt    | 02/05/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền giảm<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------------|
| A   | B           | C                 |        | D          | E          | F                              | G=F*5*70%                        | H                                                |
| 332 | CDKTML19B08 | Hoàng Đại Trọng   | Đức    | 08/01/2001 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 333 | CDKTML19B09 | Chu Anh           | Dương  | 07/11/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 334 | CDKTML19B10 | Trần Thái         | Dương  | 23/04/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 335 | CDKTML19B11 | Phạm Quốc         | Hóa    | 24/03/2006 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 336 | CDKTML19B12 | Nguyễn Khải       | Hoàn   | 18/11/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 337 | CDKTML19B13 | Điểm Phi          | Hùng   | 26/08/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 338 | CDKTML19B14 | Nguyễn Duy        | Hưng   | 27/01/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 339 | CDKTML19B15 | Bùi Quang         | Huy    | 18/04/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 340 | CDKTML19B16 | Mai Huỳnh Tấn     | Huy    | 23/08/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 341 | CDKTML19B17 | Huỳnh Hữu         | Khang  | 30/10/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 342 | CDKTML19B19 | Ngô Quốc          | Khôi   | 02/01/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 343 | CDKTML19B20 | Mẫu Văn           | Luận   | 16/02/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 344 | CDKTML19B21 | Phạm Ngọc         | Nam    | 11/12/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 345 | CDKTML19B23 | Lương Anh         | Nguyên | 30/09/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 346 | CDKTML19B24 | Nguyễn Cao Hoàng  | Phát   | 31/12/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 347 | CDKTML19B25 | Thái              | Phong  | 10/11/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 348 | CDKTML19B26 | Võ Duy            | Phước  | 30/10/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 349 | CDKTML19B27 | Trần Nguyễn Hoàng | Quân   | 14/11/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 350 | CDKTML19B28 | Phạm Xuân         | Quảng  | 27/11/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 351 | CDKTML19B29 | Nguyễn            | Thanh  | 11/12/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 352 | CDKTML19B30 | Nguyễn Chí        | Thành  | 24/10/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 353 | CDKTML19B31 | Trương Nhật       | Thịnh  | 18/01/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 354 | CDKTML19B32 | Nguyễn Minh       | Tiến   | 07/09/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 355 | CDKTML19B34 | Trương Đình       | Trí    | 29/07/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 356 | CDKTML19B35 | Nguyễn Trần Trọng | Trinh  | 06/07/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 357 | CDKTML19B36 | Lê văn            | Trương | 24/08/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                        | 3.290.000                        | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |

| STT              | Mã HSSV     | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền giảm học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                           |
|------------------|-------------|-------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------------|
| A                | B           | C                 |        | D          | E          | F                        | G=F*5*70%                     | H                                                |
| 358              | CDKTML19B37 | Hồ Anh            | Tú     | 12/04/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 359              | CDKTML19B38 | Lê Kiều Anh       | Tuấn   | 04/10/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 360              | CDKTML19B39 | Nguyễn Đăng       | Tuấn   | 23/06/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 361              | CDKTML19B40 | Lê                | Văn    | 06/08/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 362              | CDKTML19B41 | Lưu Lê            | Vũ     | 19/06/2007 | CĐ-KTML19B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 363              | CDKTXD19A01 | Lê Tuấn           | Kha    | 18/12/2007 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 364              | CDKTXD19A02 | Lê                | Nam    | 02/02/2006 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 365              | CDKTXD19A03 | Ngô Thanh         | Nhật   | 12/03/2007 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 366              | CDKTXD19A11 | Nguyễn Hữu        | Nhật   | 24/11/2003 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 367              | CDKTXD19A05 | Châu Nhật         | Tân    | 07/08/2006 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 368              | CDKTXD19A06 | Phan Văn          | Tính   | 25/11/2007 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 369              | CDKTXD19A07 | Nguyễn Đức        | Trường | 14/02/2007 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 370              | CDKTXD19A08 | Nguyễn Thành      | Vinh   | 30/01/2007 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 371              | CDKTXD19A09 | Trương Ngọc Hoàng | Vũ     | 28/10/2007 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 372              | CDKTXD19A10 | Mai Trần Phúc     | Vỹ     | 19/12/2007 | CĐ-KTXD19  | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 373              | CDCNOT18B11 | Lê Văn            | Huy    | 28/10/2006 | CĐ-CNOT18B | 940.000                  | 3.290.000                     | Sinh viên học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm |
| 374              | TCCNOT19A19 | Lê Trần Bảo       | Khang  | 18/09/2007 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 3.150.000                     | Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  |
| 375              | TCCNOT19A09 | Trần Quốc         | Đạt    | 07/10/2007 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 3.150.000                     | Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  |
| 376              | TCCNOT19B07 | Lê Thành          | Đạt    | 29/01/2007 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 3.150.000                     | Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  |
| 377              | TCKTML19A03 | Hồ Mạnh           | Cường  | 18/02/2007 | TC-KTML19  | 900.000                  | 3.150.000                     | Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  |
| 378              | TCCBMA19B31 | Trương Minh       | Tấn    | 23/03/2007 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 3.150.000                     | Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  |
| 379              | TCCBMA19B01 | Phan Trung        | An     | 15/02/2006 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 3.150.000                     | Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  |
| 380              | TCDICN19A12 | Huỳnh Đức         | Mạnh   | 16/02/2007 | TC-ĐCN19   | 900.000                  | 3.150.000                     | Học sinh học nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm  |
| <b>Tổng: 380</b> |             |                   |        |            |            |                          | <b>1.249.220.000</b>          |                                                  |

Danh sách này có 380 HSSV



**DANH SÁCH MIỄN HỌC PHÍ HỌC KÌ I (ĐỢT 3) NĂM HỌC 2025-2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 399/QĐ-CDKTCN ngày 11 tháng 11 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học<br>phí/tháng<br>(đồng) | Tổng tiền miễn<br>học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|--------------------|-------|------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                  |       | D          | E          | F                              | G=F*5                            | H                                               |
| 1   | TCCBMA19A01 | Nguyễn Hoài        | An    | 19/07/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 2   | TCCBMA19A02 | Nguyễn Hoàng Bảo   | Anh   | 29/07/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 3   | TCCBMA19A03 | Lê Nguyễn Hải      | Đăng  | 17/12/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 4   | TCCBMA19A05 | Hồ Hoàng           | Đạt   | 04/06/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 5   | TCCBMA19A06 | Dương Đăng Hoàng   | Dũng  | 02/04/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 6   | TCCBMA19A07 | Nguyễn Minh        | Dũng  | 11/01/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 7   | TCCBMA19A08 | Trần Trung         | Hiếu  | 03/05/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 8   | TCCBMA19A09 | Đinh Quốc          | Hiệu  | 22/07/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 9   | TCCBMA19A10 | Phùng Gia          | Hung  | 21/03/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 10  | TCCBMA19A11 | Trần Việt          | Hung  | 14/05/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 11  | TCCBMA19A12 | Hồ Quang           | Huy   | 05/11/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 12  | TCCBMA19B12 | Thiều Quang        | Huy   | 30/10/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 13  | TCCBMA19A13 | Nguyễn Bảo         | Kha   | 26/07/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 14  | TCCBMA19A14 | Nguyễn Trần Phi    | Khang | 05/11/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 15  | TCCBMA19A15 | Trần Quốc          | Khánh | 20/09/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 16  | TCCBMA19A17 | Nguyễn Hoàng Khánh | Linh  | 01/06/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 17  | TCCBMA19A18 | Nguyễn Gia Bảo     | Long  | 09/12/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 18  | TCCBMA19A19 | Võ Thuật Hoàng     | Long  | 29/11/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 19  | TCCBMA19A20 | Đặng Nguyễn Khánh  | Ly    | 06/02/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                        | 4.500.000                        | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|--------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                  |        | D          | E          | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 20  | TCCBMA19A21 | Lê Đức             | Mạnh   | 30/06/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 21  | TCCBMA19A22 | Nguyễn Hạo         | Nam    | 06/06/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 22  | TCCBMA19A23 | Nguyễn Huỳnh Khánh | Ngân   | 09/06/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 23  | TCCBMA19A24 | Lê Thảo            | Nguyên | 12/01/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 24  | TCCBMA19A25 | Lê Hữu Trọng       | Nhân   | 17/05/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 25  | TCCBMA19A26 | Nguyễn Ngọc Khánh  | Nhi    | 02/10/2004 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 26  | TCCBMA19A27 | Nguyễn Thị Huyền   | Nhi    | 14/04/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 27  | TCCBMA19A28 | Lê Nguyễn Quốc     | Phong  | 15/05/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 28  | TCCBMA19A29 | Nguyễn Thanh Hoàn  | Phúc   | 28/11/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 29  | TCCBMA19A30 | Lê                 | Phụng  | 02/10/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 30  | TCCBMA19A31 | Tăng Hoàng Anh     | Quân   | 11/06/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 31  | TCCBMA19A32 | Nguyễn Thành       | Quý    | 05/05/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 32  | TCCBMA19A33 | Đoàn Thị Kim       | Soan   | 12/09/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 33  | TCCBMA19A34 | Phạm Kiều          | Thanh  | 25/02/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 34  | TCCBMA19B42 | Phạm Văn           | Thảo   | 09/11/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 35  | TCCBMA19A35 | Nguyễn Tấn         | Thi    | 03/02/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 36  | TCCBMA19A36 | Đỗ Nguyễn Anh      | Thư    | 28/03/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 37  | TCCBMA19A37 | Đinh Ngọc          | Trâm   | 26/07/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 38  | TCCBMA19A38 | Trần Thị Thanh     | Trúc   | 26/05/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 39  | TCCBMA19A39 | Đồng Phúc Kiến     | Văn    | 09/12/2010 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 40  | TCCBMA19A40 | Trần Yên           | Vy     | 31/10/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 41  | TCCBMA19A41 | Nguyễn Như         | Ý      | 07/01/2009 | TC-CBMA19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 42  | TCCBMA19B02 | Điễm Hoàng Tuấn    | Anh    | 09/12/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 43  | TCCBMA19B03 | Nguyễn Tùng        | Chi    | 24/11/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 44  | TCCBMA19B05 | Nguyễn Hữu         | Đạt    | 29/10/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 45  | TCCBMA19B06 | Lê Tiến            | Dũng   | 03/05/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên            |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|----------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                    |        | D          | E          | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 46  | TCCBMA19B07 | Nguyễn Ngọc Thái     | Duy    | 14/02/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 47  | TCCBMA19B09 | Lê Thiên             | Hòa    | 25/11/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 48  | TCCBMA19B10 | Dương Thu            | Hương  | 18/03/2007 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 49  | TCCBMA19B11 | Nguyễn Tiến Đạt Quốc | Huy    | 12/01/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 50  | TCCBMA19B13 | Nguyễn Anh           | Khang  | 24/02/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 51  | TCCBMA19B14 | Quý Phúc             | Khang  | 03/12/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 52  | TCCBMA19B15 | Nguyễn Duy           | Lâm    | 15/03/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 53  | TCCBMA19B16 | Nguyễn Huỳnh Gia     | Linh   | 03/07/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 54  | TCCBMA19B17 | Nguyễn Nhật          | Long   | 05/08/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 55  | TCCBMA19B18 | Diệp Thê Quang       | Minh   | 12/08/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 56  | TCCBMA19B19 | Nguyễn Hoàng         | Nam    | 25/06/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 57  | TCCBMA19B20 | Nguyễn Minh          | Nghĩa  | 16/08/2003 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 58  | TCCBMA19B21 | Nguyễn Khôi          | Nguyên | 07/10/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 59  | TCCBMA19B22 | Lê Thị Huỳnh         | Nhi    | 29/11/2007 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 60  | TCCBMA19B23 | Trần Quang           | Nhật   | 30/06/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 61  | TCCBMA19B24 | Nguyễn Tấn           | Phong  | 16/05/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 62  | TCCBMA19B25 | Nguyễn Phạm Song     | Phú    | 02/03/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 63  | TCCBMA19B26 | Nguyễn Hoàng         | Phúc   | 03/08/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 64  | TCCBMA19B28 | Hoàng Đông           | Quân   | 04/07/2009 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 65  | TCCBMA19B29 | Nguyễn Phạm Song     | Quý    | 02/03/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 66  | TCCBMA19B30 | Nguyễn Ngọc Như      | Quỳnh  | 23/01/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 67  | TCCBMA19B32 | Huỳnh Quốc           | Thắng  | 29/03/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 68  | TCCBMA19B33 | Trần Nguyễn Thành    | Thông  | 26/03/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 69  | TCCBMA19B34 | Nguyễn Thị Minh      | Thư    | 23/04/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 70  | TCCBMA19B35 | Trần Phúc            | Tín    | 24/06/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 71  | TCCBMA19B36 | Trần Văn Anh         | Trọng  | 02/05/2008 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                 |        | D          | E          | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 72  | TCCBMA19B38 | Võ Thanh Trúc     | Uyên   | 11/02/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 73  | TCCBMA19B39 | Đường Quốc        | Vinh   | 21/02/2007 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 74  | TCCBMA19B40 | Nguyễn Hoàng Như  | Ý      | 23/02/2010 | TC-CBMA19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 75  | TCCNOT19A01 | Nguyễn Phúc       | An     | 12/02/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 76  | TCCNOT19A02 | Lý Bảo            | Anh    | 02/11/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 77  | TCCNOT19A03 | Lê Quốc           | Bảo    | 28/04/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 78  | TCCNOT19A04 | Nguyễn Hoàng Gia  | Bảo    | 25/06/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 79  | TCCNOT19A07 | Nguyễn Thành      | Danh   | 30/08/2007 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 80  | TCCNOT19A08 | Phạm Tiến         | Đạt    | 20/05/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 81  | TCCNOT19A10 | Trương Tấn        | Đạt    | 30/06/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 82  | TCCNOT19A11 | Trương Trung      | Đức    | 02/08/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 83  | TCCNOT19A12 | Nguyễn Tấn        | Dũng   | 20/06/2009 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 84  | TCCNOT19A13 | Nguyễn Khánh      | Dương  | 30/03/2009 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 85  | TCCNOT19A14 | Nguyễn Công       | Duy    | 11/07/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 86  | TCCNOT19A15 | Phạm Hoàng Trí    | Hải    | 05/09/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 87  | TCCNOT19A45 | Trần Bảo          | Hòa    | 30/03/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 88  | TCCNOT19A16 | Lê Thái           | Hoàng  | 01/01/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 89  | TCCNOT19A17 | Phạm Thanh        | Hùng   | 04/04/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 90  | TCCNOT19A18 | Trần Thanh        | Huy    | 19/10/2009 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 91  | TCCNOT19A20 | Trần Phạm Bảo     | Khang  | 09/02/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 92  | TCCNOT19A21 | Lê Quốc           | Khiêm  | 10/08/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 93  | TCCNOT19A22 | Lê Nhật           | Khôi   | 05/02/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 94  | TCCNOT19A25 | Bùi Gia           | Lâm    | 03/08/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 95  | TCCNOT19A27 | Đinh Nguyễn Nhật  | Nam    | 26/08/2009 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 96  | TCCNOT19A28 | Phan Nguyễn Thành | Nam    | 29/09/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 97  | TCCNOT19A29 | Huỳnh Bảo         | Nguyễn | 18/09/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                 |        | D          | E          | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 98  | TCCNOT19A30 | Phạm Quang        | Nhân   | 14/08/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 99  | TCCNOT19A31 | Nguyễn Tấn        | Phát   | 20/05/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 100 | TCCNOT19A32 | Võ Nguyễn Hoàn    | Phúc   | 14/12/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 101 | TCCNOT19A33 | Lê Nguyễn Hoàng   | Quân   | 07/01/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 102 | TCCNOT19A34 | Trịnh Xuân        | Quỳnh  | 28/10/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 103 | TCCNOT19A35 | Đặng Minh         | Sáng   | 18/01/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 104 | TCCNOT19A36 | Nguyễn Đức        | Thành  | 17/10/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 105 | TCCNOT19A37 | Võ Đình Minh      | Thiện  | 04/01/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 106 | TCCNOT19A38 | Nguyễn Minh       | Thuận  | 25/10/2009 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 107 | TCCNOT19A39 | Hồ Anh            | Tiến   | 18/04/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 108 | TCCNOT19A40 | Đào Nguyễn Duy    | Tiền   | 15/03/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 109 | TCCNOT19A41 | Đỗ Nhật           | Trường | 25/10/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 110 | TCCNOT19A42 | Nguyễn Vũ Anh     | Tú     | 31/10/2009 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 111 | TCCNOT19A43 | Đỗ Trần Quốc      | Tuấn   | 22/04/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 112 | TCCNOT19A44 | Huỳnh Tiểu        | Xuyên  | 13/12/2010 | TC-CNOT19A | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 113 | TCCNOT19B01 | Nguyễn Thiên      | An     | 07/11/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 114 | TCCNOT19B02 | Nguyễn Hoàng Tuấn | Anh    | 20/08/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 115 | TCCNOT19B03 | Ngô Quốc          | Bảo    | 22/10/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 116 | TCCNOT19B05 | Nguyễn Minh       | Đăng   | 23/10/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 117 | TCCNOT19B10 | Vũ Văn            | Đức    | 10/06/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 118 | TCCNOT19B11 | Nguyễn Lê Anh     | Dũng   | 19/10/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 119 | TCCNOT19B12 | Lê Hoàng Minh     | Duy    | 19/10/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 120 | TCCNOT19B13 | Nguyễn Nhật       | Duy    | 27/01/2009 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 121 | TCCNOT19B14 | Phạm Anh          | Hạo    | 06/08/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 122 | TCCNOT19B15 | Tạ Huy            | Hoàng  | 08/04/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 123 | TCCNOT19B16 | Trịnh Gia         | Hưng   | 14/08/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên           |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|---------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                   |        | D          | E          | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 124 | TCCNOT19B17 | Lê Trần Gia         | Huy    | 05/06/2009 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 125 | TCCNOT19B18 | Lê Minh Trí         | Khang  | 05/10/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 126 | TCCNOT19B19 | Phạm Nguyễn Minh    | Khang  | 24/12/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 127 | TCCNOT19B20 | Lại Hoàng           | Khánh  | 25/11/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 128 | TCCNOT19B21 | Sơn Anh             | Khoa   | 06/04/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 129 | TCCNOT19B22 | Sơn Quốc Anh        | Khôi   | 01/04/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 130 | TCCNOT19B23 | Đàm Nhật            | Minh   | 15/09/2009 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 131 | TCCNOT19B24 | Võ Tuấn             | Nghiêm | 27/12/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 132 | TCCNOT19B25 | Nguyễn Tường        | Nguyễn | 27/05/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 133 | TCCNOT19B26 | Đào Huỳnh           | Phát   | 10/12/2009 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 134 | TCCNOT19B27 | Đào Lê Kiều         | Phong  | 27/05/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 135 | TCCNOT19B28 | Phạm Hữu            | Phước  | 25/02/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 136 | TCCNOT19B29 | Nguyễn Mạnh         | Quân   | 06/08/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 137 | TCCNOT19B30 | Nguyễn Hoàng Ngọc   | Quý    | 12/10/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 138 | TCCNOT19B31 | Trần Ngọc           | Quý    | 15/10/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 139 | TCCNOT19B32 | Huỳnh Thiên         | Sơn    | 25/03/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 140 | TCCNOT19B34 | Trương Chí          | Thành  | 13/09/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 141 | TCCNOT19B35 | Trần Quốc           | Thịnh  | 28/06/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 142 | TCCNOT19B36 | Nguyễn Thành        | Trung  | 22/09/2009 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 143 | TCCNOT19B37 | Nguyễn Trương Thanh | Tú     | 29/03/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 144 | TCCNOT19B38 | Đinh Hoàng          | Tuấn   | 12/04/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 145 | TCCNOT19B39 | Nguyễn Anh          | Việt   | 23/12/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 146 | TCCNOT19B40 | Bùi Thiên           | Vũ     | 08/12/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 147 | TCCNOT19B41 | Lộc Tiến            | Vũ     | 24/02/2010 | TC-CNOT19B | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 148 | TCCNTT19A31 | Nguyễn Huỳnh Duy    | Anh    | 05/11/2010 | TC-CNTT19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 149 | TCCNTT19A01 | Mai Gia             | Bảo    | 06/01/2010 | TC-CNTT19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên          |       | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|--------------------|-------|------------|-----------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                  |       | D          | E         | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 150 | TCCNTT19A02 | Phạm Minh          | Đức   | 14/10/2004 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 151 | TCCNTT19A03 | Trần Quốc          | Dũng  | 14/11/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 152 | TCCNTT19A04 | Hoàng Trung        | Hải   | 28/11/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 153 | TCCNTT19A06 | Nguyễn Khánh       | Hưng  | 23/03/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 154 | TCCNTT19A07 | Nguyễn Nhật Bảo    | Huy   | 07/07/2009 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 155 | TCCNTT19A08 | Nguyễn Tuệ         | Khang | 27/10/2009 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 156 | TCCNTT19A09 | Trương Nguyễn Chí  | Khang | 29/11/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 157 | TCCNTT19A10 | Mai Hữu            | Lợi   | 01/01/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 158 | TCCNTT19A11 | Trần Quốc          | Long  | 19/10/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 159 | TCCNTT19A13 | Vũ Trí             | Mạnh  | 03/08/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 160 | TCCNTT19A14 | Nguyễn Ngọc        | Minh  | 16/11/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 161 | TCCNTT19A17 | Nguyễn Thanh Thiện | Nhân  | 28/12/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 162 | TCCNTT19A18 | Nguyễn Tường Hoàng | Phát  | 09/11/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 163 | TCCNTT19A19 | Đinh Nhất          | Phong | 23/09/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 164 | TCCNTT19A21 | Nguyễn Thiên       | Phú   | 19/05/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 165 | TCCNTT19A23 | Bùi Thanh          | Tấn   | 05/06/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 166 | TCCNTT19A24 | Nguyễn Ngọc        | Tấn   | 30/04/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 167 | TCCNTT19A25 | Nguyễn Duy         | Thắng | 17/07/2009 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 168 | TCCNTT19A26 | Nguyễn Anh         | Tú    | 12/05/2010 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 169 | TCCNTT19A27 | Huỳnh Quang        | Vinh  | 30/09/2006 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 170 | TCCNTT19A28 | Lê Thái            | Vượng | 05/10/2009 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 171 | TCCNTT19A29 | Nguyễn Thị         | Vy    | 19/04/2008 | TC-CNTT19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 172 | TCDICN19A01 | Nguyễn Thiên       | Bình  | 07/11/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 173 | TCDICN19A02 | Nguyễn Thành       | Đạt   | 22/03/2008 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 174 | TCDICN19A03 | Nguyễn Thành       | Đạt   | 27/12/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 175 | TCDICN19A04 | Đoàn Ngọc Nhật     | Đông  | 22/04/2009 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-----------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                |        | D          | E         | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 176 | TCDICN19A05 | Nguyễn Văn       | Đức    | 03/08/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 177 | TCDICN19A07 | Nguyễn Khoa      | Hùng   | 28/08/2009 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 178 | TCDICN19A08 | Phạm Nguyễn Nhật | Huy    | 28/06/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 179 | TCDICN19A09 | Nguyễn Hoàng Bảo | Khang  | 14/10/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 180 | TCDICN19A10 | Thập Phạm Duy    | Khang  | 12/03/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 181 | TCDICN19A11 | Huỳnh Thiên      | Long   | 25/01/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 182 | TCDICN19A13 | Trương Minh      | Nghĩa  | 30/09/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 183 | TCDICN19A14 | Hồ Ngọc Phong    | Nguyễn | 10/05/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 184 | TCDICN19A15 | Mai Phạm Tường   | Nguyễn | 27/07/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 185 | TCDICN19A16 | Trần Đình        | Nguyễn | 15/01/2007 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 186 | TCDICN19A17 | Võ Thiện         | Nhân   | 24/06/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 187 | TCDICN19A18 | Lê Đại           | Phú    | 01/03/2009 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 188 | TCDICN19A19 | Phan Ngọc        | Phú    | 14/06/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 189 | TCDICN19A20 | Nguyễn Hoàng     | Quân   | 01/05/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 190 | TCDICN19A21 | Nguyễn Hoàng     | Quý    | 22/11/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 191 | TCDICN19A28 | Trần Phương      | Tâm    | 28/04/2009 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 192 | TCDICN19A22 | Cù Minh          | Tân    | 23/12/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 193 | TCDICN19A25 | Nguyễn Hồ Xuân   | Thành  | 27/08/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 194 | TCDICN19A23 | Hoàng Văn        | Tiến   | 24/07/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 195 | TCDICN19A24 | Lê Mạnh          | Tiến   | 17/12/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 196 | TCDICN19A27 | Lê               | Vy     | 03/09/2010 | TC-ĐCN19  | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 197 | TCHDDL19A27 | Lê Thị Ngọc      | Ánh    | 18/05/2009 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 198 | TCHDDL19A01 | Phạm Đình        | Bình   | 14/06/2006 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 199 | TCHDDL19A03 | Phạm Hoàng Huy   | Đạt    | 28/12/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 200 | TCHDDL19A04 | Bùi Trần Bình    | Đức    | 28/08/2009 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 201 | TCHDDL19A06 | Huỳnh Gia        | Hân    | 13/09/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |



| STT | Mã HSSV     | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|--------------------|--------|------------|-----------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                  |        | D          | E         | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 202 | TCHDDL19A07 | Lê Xuân            | Hùng   | 21/08/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 203 | TCHDDL19A26 | Nguyễn Phan Thiên  | Kiệt   | 30/01/2009 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 204 | TCHDDL19A08 | Đặng Khánh         | Linh   | 14/05/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 205 | TCHDDL19A09 | Nguyễn Phi         | Long   | 16/05/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 206 | TCCNTT19A12 | Phan Đặng Gia      | Lương  | 24/12/2009 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 207 | TCHDDL19A10 | Giàng Thị Ngọc     | Mai    | 01/01/2008 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 208 | TCHDDL19A11 | Trần Thị Ngọc      | My     | 11/10/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 209 | TCHDDL19A12 | Bùi Ngữ Trúc       | Ngân   | 29/01/2008 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 210 | TCHDDL19A13 | Nguyễn Hà Trọng    | Nghĩa  | 13/03/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 211 | TCHDDL19A14 | Lâm Thanh          | Nhân   | 12/08/2009 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 212 | TCHDDL19A15 | Võ Thành           | Nhân   | 09/02/2007 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 213 | TCHDDL19A16 | Trần Thị Yến       | Nhi    | 09/11/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 214 | TCQTKS19A21 | Đặng Phạm Hoàng    | Phong  | 07/03/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 215 | TCHDDL19A18 | Nguyễn Ngọc        | Quỳnh  | 21/01/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 216 | TCHDDL19A19 | Nguyễn Trần Minh   | Tài    | 05/06/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 217 | TCHDDL19A20 | Nguyễn Phương      | Thảo   | 05/06/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 218 | TCQTKS19A28 | Nguyễn Thị Bích    | Trâm   | 17/11/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 219 | TCHDDL19A21 | Nguyễn Thị Ngọc    | Trang  | 30/09/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 220 | TCHDDL19A22 | Nguyễn Thị Thanh   | Truyền | 17/11/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 221 | TCQTKS19A35 | Nguyễn Thị Tường   | Vi     | 29/10/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 222 | TCHDDL19A23 | Ngô Thanh          | Vy     | 11/04/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 223 | TCHDDL19A24 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Yến    | 14/08/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 224 | TCQTKS19A06 | Nguyễn Thành Trung | Hiếu   | 29/09/2010 | TC-HDDL19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 225 | TCKTML19A01 | Lộc Gia            | Bảo    | 09/01/2009 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 226 | TCKTML19A02 | Nguyễn Hoàng Gia   | Bảo    | 13/11/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 227 | TCKTML19A04 | Lê Quốc            | Cường  | 27/07/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên         |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|-----------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                 |        | D          | E         | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 228 | TCKTML19A05 | Lê Quang          | Đại    | 17/08/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 229 | TCKTML19A06 | Nguyễn Văn        | Giang  | 10/10/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 230 | TCKTML19A28 | Trần Phi          | Hồ     | 21/05/2007 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 231 | TCKTML19A08 | Trần Phi          | Hoàng  | 15/01/2009 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 232 | TCKTML19A09 | Lê Trần           | Hùng   | 30/04/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 233 | TCKTML19A10 | Nguyễn Hoàng Minh | Khang  | 22/10/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 234 | TCKTML19A11 | Trịnh Đình        | Khoa   | 26/07/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 235 | TCKTML19A13 | Nguyễn Tiến       | Luật   | 22/07/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 236 | TCKTML19A14 | Phạm Thiên        | Minh   | 05/10/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 237 | TCKTML19A15 | Võ Nguyễn Hoàng   | Nguyễn | 03/01/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 238 | TCKTML19A16 | Hồ Minh           | Nhật   | 29/03/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 239 | TCKTML19A17 | Phan Minh         | Nhật   | 19/11/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 240 | TCKTML19A18 | Đỗ Nguyễn Tấn     | Phát   | 05/11/2009 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 241 | TCKTML19A19 | Nguyễn Tấn        | Phát   | 01/12/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 242 | TCKTML19A20 | Từ Hòa            | Thanh  | 25/07/2025 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 243 | TCKTML19A21 | Nguyễn Trí        | Thành  | 26/11/2009 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 244 | TCKTML19A22 | Nguyễn Đồng Tuệ   | Thi    | 21/05/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 245 | TCKTML19A23 | Trần Hồ Minh      | Thuận  | 21/09/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 246 | TCKTML19A24 | Nguyễn Văn        | Tú     | 27/11/2009 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 247 | TCKTML19A25 | Phạm Văn          | Tự     | 01/08/2010 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 248 | TCKTML19A26 | Hoàng Long        | Vũ     | 16/01/2009 | TC-KTML19 | 900.000                  | 4.500.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 249 | TCNVNH19A02 | Nguyễn Trần Quốc  | Bảo    | 05/08/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 250 | TCNVNH19A03 | Phan Lê Gia       | Bảo    | 28/12/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 251 | TCNVNH19A04 | Phạm Nguyễn Quốc  | Bình   | 11/11/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 252 | TCQTKS19A03 | Lê Tấn            | Chiến  | 04/05/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 253 | TCNVNH19A05 | Trần Đỗ Bảo       | Hân    | 25/04/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT | Mã HSSV     | Họ và tên           |        | Ngày sinh  | Tên lớp   | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                          |
|-----|-------------|---------------------|--------|------------|-----------|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------|
| A   | B           | C                   |        | D          | E         | F                        | G=F*5                         | H                                               |
| 254 | TCNVNH19A06 | Phạm Văn            | Hùng   | 06/11/2009 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 255 | TCNVNH19A07 | Nguyễn Ngô Gia      | Hy     | 21/12/2009 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 256 | TCNVNH19A08 | Dương Lê Minh       | Nhật   | 16/01/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 257 | TCNVNH19A09 | Huỳnh Thị Thanh     | Như    | 03/11/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 258 | TCNVNH19A11 | Lê Văn              | Quân   | 10/06/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 259 | TCNVNH19A12 | Hồ Thị Như          | Quỳnh  | 03/08/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 260 | TCNVNH19A13 | Nguyễn Thị Hoài     | Thương | 18/09/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 261 | TCQTKS19A27 | Lê Tấn              | Toàn   | 04/05/2010 | TC-NVNH19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 262 | TCQTKS19A39 | Đỗ Quỳnh            | Anh    | 02/10/2009 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 263 | TCQTKS19A37 | Nguyễn Ý            | Anh    | 16/02/2009 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 264 | TCQTKS19A01 | Phạm Hoàng Khánh    | Băng   | 26/09/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 265 | TCQTKS19A02 | Lê Tinh             | Ca     | 12/03/2009 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 266 | TCQTKS19A04 | Nguyễn Trần Khánh   | Đoan   | 17/02/2008 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 267 | TCQTKS19A05 | Nguyễn Xuân         | Hậu    | 27/01/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 268 | TCQTKS19A07 | Trần Hà             | Lan    | 03/05/2009 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 269 | TCQTKS19A08 | Nguyễn Kim          | Lân    | 11/09/2008 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 270 | TCQTKS19A09 | Nguyễn Hà Khánh     | Linh   | 21/07/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 271 | TCQTKS19A10 | Trần Lê Trúc        | Linh   | 14/07/2009 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 272 | TCQTKS19A11 | Nguyễn Bảo          | Long   | 20/10/2008 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 273 | TCQTKS19A12 | Đỗ Ngọc             | Mai    | 28/12/2009 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 274 | TCQTKS19A13 | Nguyễn Thanh        | Mai    | 11/06/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 275 | TCQTKS19A14 | Nguyễn Trà Trúc     | Mai    | 03/05/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 276 | TCQTKS19A15 | Võ Phương           | Nam    | 29/09/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 277 | TCQTKS19A16 | Trương Thị Phương   | Ngân   | 04/01/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 278 | TCQTKS19A17 | Hà Bảo              | Ngọc   | 05/10/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |
| 279 | TCQTKS19A18 | Nguyễn Thanh Phương | Nhã    | 15/10/2010 | TC-QTKS19 | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp |

| STT              | Mã HSSV     | Họ và tên          |        | Ngày sinh  | Tên lớp    | Mức học phí/tháng (đồng) | Tổng tiền miễn học phí (đồng) | Đối tượng miễn học phí                             |
|------------------|-------------|--------------------|--------|------------|------------|--------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------|
| A                | B           | C                  |        | D          | E          | F                        | G=F*5                         | H                                                  |
| 280              | TCQTKS19A19 | Nguyễn Ngọc Uyên   | Nhi    | 10/12/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 281              | TCQTKS19A20 | Nguyễn Thụy Phương | Nhi    | 20/05/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 282              | TCQTKS19A22 | Nguyễn Thị Hà      | Phương | 16/11/2008 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 283              | TCQTKS19A23 | Nguyễn Mỹ          | Quyên  | 21/10/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 284              | TCQTKS19A24 | Trịnh Nguyễn Như   | Quỳnh  | 11/03/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 285              | TCQTKS19A36 | Bơ Nah Ria In Nai  | Thắm   | 16/05/2009 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 286              | TCQTKS19A25 | Nguyễn Ngọc Anh    | Thư    | 01/10/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 287              | TCQTKS19A38 | Nguyễn Trần Anh    | Thư    | 16/07/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 288              | TCQTKS19A26 | Trần Gia Anh       | Thư    | 13/07/2009 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 289              | TCQTKS19A30 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Trân   | 21/10/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 290              | TCQTKS19A31 | Cao Minh           | Trí    | 11/05/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 291              | TCQTKS19A32 | Nguyễn Thị Ánh     | Tuyết  | 01/01/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 292              | TCQTKS19A33 | Văn Lê Bảo         | Uyên   | 04/12/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 293              | TCQTKS19A34 | Bùi Thị Kim        | Vân    | 15/03/2010 | TC-QTKS19  | 800.000                  | 4.000.000                     | Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên Trung cấp    |
| 294              | CDCNOT19A32 | Hà Thúc            | Triều  | 04/09/2005 | CĐ-CNOT19A | 940.000                  | 4.700.000                     | Sinh viên là người khuyết tật                      |
| 295              | CDCNTT19A01 | Mẫu Quốc Nhật      | Anh    | 01/11/2007 | CĐ-CNTT19  | 940.000                  | 4.700.000                     | Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo |
| <b>Tổng: 295</b> |             |                    |        |            |            |                          | <b>1.291.400.000</b>          |                                                    |

Danh sách này có 295 HSSV